

Bản án số: 135/2023/DS-ST

Ngày: 28 - 9 - 2023

V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và
yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU- TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Tâm

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân
quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu,
TP Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
27/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín
dụng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số 27/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn
phiên tòa số 76/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; Địa chỉ: 108 Phố T, quận H, thành phố Hà
Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B – Chức vụ: Chủ tịch Hội
đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H, ông Đinh Văn Đạt,
ông Lê Ngọc A, bà Lê Thị Thanh H, bà Võ Nguyễn Khánh D, ông Nguyễn Quốc
H. Cùng địa chỉ liên hệ: 218 N, quận T, TP Đà Nẵng tham gia tố tụng theo văn bản
ủy quyền số 296/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 17/ 02/2022), ông H, ông Đ, ông H,
bà , bà D đều vắng mặt, ông Lê Ngọc A có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Đình M – sinh năm 1966. Địa chỉ: K55/01 G, phường H,

quận H, TP Đà Nẵng, vắng mặt.

Ông Nguyễn Hữu N – sinh năm 1946 và bà Lê Thị Ánh T– sinh năm 1950;
Cùng địa chỉ liên hệ: 290 N, phường V, quận T, TP Đà Nẵng, đều vắng mặt.

Ông Trần Quốc A – sinh năm 1993; Địa chỉ: K55/01 G, phường H, quận H,
TP Đà Nẵng, vắng mặt.

- Cháu Võ Đình Nam P – sinh năm 2008; Địa chỉ: K55/01 G, phường H,
quận H, TP Đà Nẵng. Người đại diện hợp pháp của cháu P là ông Võ Đình M–
sinh năm 1966; Địa chỉ: K55/01 G, phường H, quận H, TP Đà Nẵng, vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T. Sinh năm: 1993. Địa chỉ: K21/30/03 C, B,
phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: K55/01 G, phường H,
quận H, TP Đà Nẵng.

2. Chị Võ Thị V. Sinh năm: 1997

3. Chị Lê Thị Cẩm D. Sinh năm: 1997

4. Chị Đỗ Thị Thủy H. Sinh năm: 2001

5. Chị Trần Thị Thùy T. Sinh năm: 2001

6. Chị Bùi Thị Hồng N. Sinh năm: 2000

7. Chị Nguyễn Thị Thanh M. 2000.

8. Chị Lê Thị Thu H. Sinh năm: 2000

9. Anh Phan Thành T. Sinh năm: 2002

10. Anh Mai Phan D T. Sinh năm: 2002

11. Anh Nguyễn Công T. Sinh năm: 2002

12. Chị Đỗ Thanh T. Sinh năm: 2000

13. Chị Hồ Diễm H. Sinh năm: 2000

14. Anh Thái Hoàng Văn H. Sinh năm: 2002

15. Anh Nguyễn Hà H. Sinh năm: 2002

16. Anh Bùi Hoàng Nhật N. Sinh năm: 2002

17. Chị Văn Thị Mỹ L. Sinh năm: 1997

18. Anh Nguyễn Văn D. Sinh năm: 2002

19. Anh Mai Đình T. Sinh năm: 2003

20. Anh Phạm Huỳnh T. Sinh năm: 2002
21. Anh Lê Tấn L. Sinh năm: 2003
22. Anh Võ Jony D. Sinh năm: 2002
23. Anh Vũ Đức T. Sinh năm: 2001
24. Anh Trần Nhật H. Sinh năm: 2003
25. Anh Nguyễn Hà D. Sinh năm: 2001
26. Chị Huỳnh Thanh T1 . Sinh năm: 1999
27. Chị Huỳnh Thanh T2. Sinh năm: 2001
28. Chị Huỳnh Thị Hồng N. Sinh năm: 2001
29. Chị Đỗ Bình Phương U. Sinh năm: 2001
30. Chị Nguyễn Thị Như Q. Sinh năm: 2001
31. Chị Lê Thị H. Sinh năm: 2001
32. Chị Dương Thị Thu D. Sinh năm: 2000
33. Chị Nguyễn Thị Quỳnh T. Sinh năm: 2003
34. Lê Phước Huyền L. Sinh năm: 2000
35. Anh Dương Văn Q. Sinh năm: 2000
36. Chị Tô Thị Huyền L. Sinh năm: 2001
37. Chị Nguyễn Phan Anh T. Sinh năm: 2001
38. Chị Huỳnh Thị Thanh N. Sinh năm: 2003
39. Chị Nguyễn Kim C. Sinh năm: 2001
40. Chị Nguyễn Thị Phúc T. Sinh năm: 2000
41. Chị Phạm Thị Diệu L. 2000
42. Chị Nguyễn Thị Thu N. Sinh năm: 2000
43. Anh Lê Văn Trung N. Sinh năm: 1996
44. Chị Trần Thúy H. Sinh năm: 2002
45. Chị Nguyễn Thị Chiêu T. Sinh năm: 2002
46. Chị Lê Thị Quỳnh T. Sinh năm: 1996
47. Anh Nguyễn Viết Thành V. Sinh năm: 2002
48. Anh Võ Xuân T. Sinh năm: 2002
49. Anh Dương Chí V. Sinh năm: 2002

50. Anh Nguyễn Xuân N. Sinh năm: 1993

51. Chị Hoàng Thị H. Sinh năm: 1993

Cùng địa chỉ: K 01/4 Đ, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng.

52. Ông Võ Đình M – sinh năm 1966. Địa chỉ: K55/01 G, phường H, quận H, TP Đà Nẵng

(Bị đơn ông M, ông N, bà T, ông A; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T, chị V, chị D, chị H, chị T, chị N, chị M, chị H, anh T, anh T; anh T; chị T; chị H; anh H; anh H; anh N, chị L; anh D; anh T; anh T; anh L; anh D, anh T; anh H; anh D; chị T; chị T; chị N; chị U; chị Q; chị H; chị D; chị T; chị L; anh Q; chị L; chị T; chị N; chị C; chị T; chị L; chị N; anh N; chị H; chị T; chị T; anh V; anh T; anh V; anh N; chị H đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ông Lê Ngọc A trình bày:*

Vợ chồng ông Võ Đình M và bà Nguyễn Thị Như M đã vay vốn tại Ngân hàng C thông qua 03 Hợp đồng tín dụng, cụ thể : Hợp đồng tín dụng số 1401365112/2019-HĐCV/NHCT480 ngày 21/11/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung số 1401365112/2021-HĐCV-SĐBS02/NHCT480-Muadato ngày 28/04/2021. Hạn mức cho vay 7.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: mua nhà và đất ở tại địa chỉ tổ 34, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng . Thời gian vay: 240 tháng. Giấy nhận nợ số 01 ngày 25/11/2019. Tính đến ngày 05/01/2023, tổng dư nợ là 3.510.324.976 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm mười triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn chín trăm bảy mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 3.407.000.000 đồng (bằng chữ: Ba tỷ bốn trăm lẻ bảy triệu đồng), lãi là 103.324.976 đồng (bằng chữ : Một trăm lẻ bốn triệu một trăm mười tám ngàn không trăm năm mươi sáu đồng); Hợp đồng tín dụng số 1401365112/2020-HĐCV/NHCT480-XaynhaoDo Quang ngày 24/02/2020. Hạn mức cho vay 6.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: xây nhà ở tại địa chỉ tổ 34, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng. Thời gian vay: 228 tháng. Giấy nhận nợ số 01 ngày 03/03/2020 là 2.100.000.000 đồng. Giấy nhận nợ số 02 ngày 07/04/2020 là 2.500.000.000 đồng. Giấy nhận nợ số 03 ngày

28/07/2020 là 1.400.000.000 đồng. Tính đến ngày 05/01/2023, tổng dư nợ là 5.374.982.633 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ ba trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm ba mươi hai ngàn sáu trăm ba mươi ba đồng) trong đó nợ gốc là 5.216.050.000 đồng (bằng chữ: Năm tỷ hai trăm mười sáu triệu không trăm năm mươi ngàn đồng), lãi là 158.932.633 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi tám triệu chín trăm ba mươi hai ngàn sáu trăm ba mươi ba đồng); Hợp đồng tín dụng số 1401365112/2020- ngày 01/10/2020. Hạn mức cho vay 200.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Thanh toán vốn tự có khách hàng đã ứng trước tiêu dùng. Thời gian vay: 120 tháng. Giấy nhận nợ số 01 ngày 01/10/2020 là 200.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho các nghĩa vụ phát sinh từ tất cả các Hợp đồng cho vay nêu trên, bà Nguyễn Thị Như M và ông Võ Đình M đã thế chấp, cầm cố cho Ngân hàng C các tài sản là: Quyền sử dụng đất tại thửa 523; tờ bản đồ 10; địa chỉ tổ 34, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng. GCN số CR 894412, vào sổ cấp GCN CTs 190024) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2019 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1401365112/ 2020/HĐBĐ/NHCT480 – Do Quang ký ngày 24/02/2020 tại Phòng công chứng số 2 Tp Đà Nẵng, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng ngày 25/02/2020 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1401365112/ 2021/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT480 – Do Quang ký ngày 28/04/2021 tại Phòng công chứng số 2 Tp Đà Nẵng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định; Trái phiếu số CTG2030T2/02 theo Hợp đồng bảo đảm số 1401365112/2020 ngày 01/10/2020 tại Ngân hàng C - CN Đà Nẵng- PGD Điện Biên Phủ.

Thực hiện hợp đồng, ông M, bà M đã vi phạm cam kết trả nợ đã ký với Ngân hàng và để phát sinh nợ quá hạn. Trong thời gian qua, mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, làm việc với ông M, ông N, bà T, ông A và cháu Võ Đình Nam P nhưng các cá nhân này không hợp tác trả nợ theo thời hạn đã thoả thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ với Ngân hàng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tòa án buộc ông Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A trả cho ngân

hàng toàn bộ số nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 1401365112/2019-HĐCV/NHCT480 ngày 21/11/2019, Hợp đồng tín dụng số 401365112/2020-HĐCV/NHCT480-XaynhaoDo Quang ngày 24/02/2020, Hợp đồng tín dụng số 1401365112/2020 ngày 01/10/2020 được tạm tính đến ngày 05/01/2023 là 9.047.815.693 đồng (Chín tỷ, không trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc là 8.783.050.000 đồng và nợ lãi là 264.765.693 đồng.

Buộc ông Võ Đình M và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ trả nợ vay của bà Nguyễn Thị Như M (đã chết) là ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh, lãi nợ quá hạn, lãi chậm trả lãi cho ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, các Giấy nhận nợ trên số nợ gốc thực tế cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp ông Võ Đình M và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ trả nợ vay của bà Nguyễn Thị Như M (đã chết) là ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ thì ngân có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tất cả các tài sản bảo đảm gồm để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa 523; tờ bản đồ 10; địa chỉ tổ 34, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng. GCN số CR 894412, vào sổ cấp GCN CTs 190024) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2019 đứng tên ông M, bà M và trái phiếu số CTG2030T2/02 theo Hợp đồng bảo đảm số 1401365112/2020 ngày 01/10/2020 tại Ngân hàng C - CN Đà Nẵng- PGD Điện Biên Phủ để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện: Yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A và cháu Võ Đình Nam P phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/09/2023 là: 10.155.467.411 đồng trong đó: Nợ gốc là: 8.783.050.000 đồng (bằng chữ: Tám tỷ bảy trăm tám mươi ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng); Nợ lãi quá hạn là: 1.352.966.918 đồng (bằng chữ: Một tỷ ba trăm năm mươi hai triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm mười tám

đồng); Nợ lãi chậm trả lãi là: 19.450.493 đồng (bằng chữ: Mười chín triệu bốn trăm năm mươi ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng) và ông M, ông N, bà T, ông Anh và cháu Võ Đình Nam P phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh, lãi nợ quá hạn, lãi chậm trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, các Giấy nhận nợ trên sổ nợ gốc thực tế cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp ông M, ông N, bà T, ông A và cháu Võ Đình Nam P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa 523; tờ bản đồ 10; địa chỉ tổ 34, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng. GCN số CR 894412, vào sổ cấp GCN CTs 190024) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2019 đứng tên ông M, bà M để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn trong vụ án là ông Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A và cháu Võ Đình Nam P đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông M, ông N, bà T, ông A, cháu A không tham gia tố tụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2023 bị đơn, người đại diện hợp pháp của cháu Võ Đình Nam P là ông Võ Đình M trình bày: Ông M và bà M có ký 03 Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng C như Ngân hàng đã trình bày tại đơn khởi kiện là đúng. Thực hiện hợp đồng ông M và bà M trả nợ vay theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên, sau khi bà M mất, gia đình chưa thống nhất được trách nhiệm, quyền lợi của những người hưởng di sản thừa kế của bà M nên không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện, ông M đồng ý trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và ông M đề nghị Ngân hàng cho ông M 03 tháng để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp gia đình ông M không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông M đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 523; tờ bản đồ 10; địa chỉ K01/4 Đỗ Quang thuộc tổ 34, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng và trái phiếu để trả nợ cho Ngân hàng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/5/2023 ông Nguyễn Hữu N và bà Lê Thị Ánh T thống nhất trình bày: Ông N, bà T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tuy nhiên, do ông N, bà T không quản lý di sản của bà Nguyễn Thị Như M (chết) để lại nên đề nghị Tòa án yêu cầu ông Võ Đình M và ông Trần Quốc A khi bán tài sản của bà M để lại thì phải thực hiện việc thanh toán các khoản nợ của bà M tại Ngân hàng. Trong trường hợp không có tiền để trả nợ cho Ngân hàng thì ông N, bà T đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 523; tờ bản đồ 10; địa chỉ K01/4 Đỗ Quang thuộc tổ 34, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng và trái phiếu để trả nợ cho Ngân hàng. Ông N, bà T xác định tuổi cao nên không thể tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Trần Quốc A không có bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T, chị Võ Thị V, chị Lê Thị Cẩm D, chị Đỗ Thị Thủy H, chị Trần Thị Thủy T, chị Bùi Thị Hồng N, chị Nguyễn Thị Thanh M, chị Lê Thị Thu H, anh Phan Thành T, anh Mai Phan D T, anh Nguyễn Công T, chị Đỗ Thanh T, chị Hồ Diễm H, anh Thái Hoàng Văn H, anh Nguyễn Hà H, anh Bùi Hoàng Nhật N, chị Văn Thị Mỹ L, anh Nguyễn Văn D, anh Mai Đình T, anh Phạm Huỳnh T, anh Lê Tấn L, anh Võ Jony D, anh Vũ Đức T, anh Trần Nhật H, anh Nguyễn Hà D, chị Huỳnh Thanh T1, chị Huỳnh Thanh T2, chị Huỳnh Thị Hồng N, chị Đỗ Bình Phương U, chị Nguyễn Thị Như Q, chị Lê Thị H, chị Dương Thị Thu D, chị Nguyễn Thị Quỳnh T, chị Lê Phước Huyền L, anh Dương Văn Q, chị Tô Thị Huyền L, chị Nguyễn Phan Anh T, chị Huỳnh Thị Thanh N, chị Nguyễn Kim C, chị Nguyễn Thị Phúc T, chị Phạm Thị Diệu L, chị Nguyễn Thị Thu N, anh Lê Văn Trung N, chị Trần Thúy H, chị Nguyễn Thị Chiêu T, chị Lê Thị Quỳnh T, anh Nguyễn Viết Thành V, anh Võ Xuân T, anh Dương Chí V, anh Nguyễn Xuân N, chị Hoàng Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng không tham gia tố tụng, không có bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 615 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc ông Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A và cháu Võ Đình Nam P phải thực hiện nghĩa vụ do bà Nguyễn Thị Như M chết để lại là trả cho Ngân hàng C số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2023 là: 10.155.467.411 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 8.783.050.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 1.352.966.918 đồng. Nợ lãi chậm trả lãi là: 19.450.493 đồng và trả lãi phát sinh từ ngày 29/9/2023 cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị Như M chết để lại. Trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì cho Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho Ngân hàng thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự. Trường hợp ông Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A và cháu Võ Đình Nam P thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận GCN số CR 894412, vào sổ cấp GCN CTs 190024) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2019 đứng tên ông Võ Đình M, bà Nguyễn Thị Như M và trái phiếu cho Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A và cháu Võ Đình Nam P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của Ngân hàng C nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 14 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm b khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ công văn số 1626/CV-CAQ-QLHC ngày 04/7/2023 của Công an quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về cung cấp thông tin thuộc hàng thừa kế thứ

nhất của bà Nguyễn Thị Như M và lời khai của đương sự xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà M gồm: ông Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A và cháu Võ Đình Nam P nên ông M, ông N, bà T, ông A, cháu Phương là những người kế thừa quyền nghĩa vụ của bà M tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

Bị đơn ông N, bà T đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt; bị đơn ông M, ông A, cháu Phương, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T, chị Võ Thị V, chị Lê Thị Cẩm D, chị Đỗ Thị Thủy H, chị Trần Thị Thùy T, chị Bùi Thị Hồng N, chị Nguyễn Thị Thanh M, chị Lê Thị Thu H, anh Phan Thành T, anh Mai Phan D T, anh Nguyễn Công T, chị Đỗ Thanh T, chị Hồ Diễm H, anh Thái Hoàng Văn H, anh Nguyễn Hà H, anh Bùi Hoàng Nhật N, chị Văn Thị Mỹ L, anh Nguyễn Văn D, anh Mai Đình T, anh Phạm Huỳnh T, anh Lê Tấn L, anh Võ Jony D, anh Vũ Đức T, anh Trần Nhật H, anh Nguyễn Hà D, chị Huỳnh Thanh T1, chị Huỳnh Thanh T2, chị Huỳnh Thị Hồng N, chị Đỗ Bình Phương U, chị Nguyễn Thị Như Q, chị Lê Thị H, chị Dương Thị Thu D, chị Nguyễn Thị Quỳnh T, chị Lê Phước Huyền L, anh Dương Văn Q, chị Tô Thị Huyền L, chị Nguyễn Phan Anh T, chị Huỳnh Thị Thanh N, chị Nguyễn Kim C, chị Nguyễn Thị Phúc T, chị Phạm Thị Diệu L, chị Nguyễn Thị Thu N, anh Lê Văn Trung N, chị Trần Thúy H, chị Nguyễn Thị Chiêu T, chị Lê Thị Quỳnh T, anh Nguyễn Viết Thành V, anh Võ Xuân T, anh Dương Chí V, anh Nguyễn Xuân N, chị Hoàng Thị H đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Võ Đình M và bà Nguyễn Thị Như M đã ký với Ngân hàng C 03 Hợp đồng tín dụng, cụ thể : Hợp đồng tín dụng số 1401365112/2019-HĐCV/NHCT480 ngày 21/11/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung số 1401365112/2021-HĐCV-SĐBS02/NHCT480-Muadato ngày 28/04/2021, hạn mức cho vay **7.000.000.000 đồng**. Mục đích vay vốn: mua nhà và đất ở tại địa chỉ tổ 34, P. Vĩnh Trung, Q.

Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng. Thời gian vay: 240 tháng. Giấy nhận nợ số 01 ngày 25/11/2019; Hợp đồng tín dụng số 1401365112/2020-HĐCV/NHCT480-XaynhaoDo Quang ngày 24/02/2020. Hạn mức cho vay **6.000.000.000 đồng**. Mục đích vay vốn: xây nhà ở tại địa chỉ tổ 34, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng. Thời gian vay: 228 tháng. Giấy nhận nợ số 01 ngày 03/03/2020 là 2.100.000.000 đồng. Giấy nhận nợ số 02 ngày 07/04/2020 là 2.500.000.000 đồng. Giấy nhận nợ số 03 ngày 28/07/2020 là 1.400.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 1401365112/2020 ngày 01/10/2020. Hạn mức cho vay **200.000.000 đồng**. Mục đích vay vốn: Thanh toán vốn tự có khách hàng đã ứng trước tiêu dùng. Thời gian vay: 120 tháng. Giấy nhận nợ số 01 ngày 01/10/2020 là 200.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho các nghĩa vụ phát sinh từ tất cả các Hợp đồng cho vay nêu trên, bà Nguyễn Thị Như M, ông Võ Đình M đã thế chấp, cầm cố cho Ngân hàng C các tài sản là: Quyền sử dụng đất tại thửa 523; tờ bản đồ 10; địa chỉ tổ 34, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng đã được cấp Giấy chứng nhận số CR 894412, vào sổ cấp GCN CTs 190024 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2019, đăng ký chính lý biến động ngày 17/12/2019 đứng tên ông M, bà M và Trá phiếu số CTG2030T2/02 ngày 24/9/2020. Sau khi bà M chết, ông M và gia đình bà M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại các hợp đồng tín dụng. Ngân hàng C thường xuyên đôn đốc, làm việc với ông M và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà M là ông M, ông N, bà T, ông A và cháu Phương nhưng các họ không hợp tác trả nợ theo thời hạn đã thoả thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ với Ngân hàng. Do đó, để bảo đảm quyền lợi của Ngân hàng, Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A và cháu Võ Đình Nam Phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/9/2023 là: 10.155.467.411 đồng trong đó: Nợ gốc là: 8.783.050.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 1.352.966.918 đồng. Nợ lãi chậm trả lãi là: 19.450.493 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 29/9/2023 cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ tại các hợp đồng tín dụng trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị Như M chết để lại. Trường hợp ông Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A và cháu

Võ Đình Nam Pkhông thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 523; tờ bản đồ 10; địa chỉ tổ 34, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng đã được cấp Giấy chứng nhận số CR 894412, vào sổ cấp GCN CTs 190024 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2019, đăng ký chính lý biến động ngày 17/12/2019 đứng tên ông M, bà M để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ và ý kiến xác nhận nợ của ông Võ Đình M có cơ sở xác định ông M, bà M đã vay tại Ngân hàng C tổng số tiền: 13.200.000.000đ và được Ngân hàng giải ngân vào các ngày 25/11/2019, 03/03/2020, 07/04/2020, 28/07/2020, 01/10/2020. Việc vay tiền được các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã nêu trên. Khi ký hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên các hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng. Ngày 21/11/2021 bà Nguyễn Thị Như M chết, ông Võ Đình M và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại các hợp đồng tín dụng, vi phạm về nghĩa vụ trả nợ quy định tại điều 3 của các Hợp đồng tín dụng, HĐXX xét thấy bị đơn là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M và hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Như M là ông M, ông N, bà T, ông A và cháu Phương có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp với Điều 463, 466, 615 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần buộc ông Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc Anh, cháu Võ Đình Nam P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/9/2023 là: 10.155.467.411 đồng trong đó: Nợ gốc là: 8.783.050.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 1.352.966.918 đồng. Nợ lãi chậm trả lãi là: 19.450.493 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 2 của các

Hợp đồng tín dụng và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Ấn lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về tài sản thế chấp: Đối với tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 523; tờ bản đồ số 10; địa chỉ tổ 34, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng đã được cấp Giấy chứng nhận số CR 894412, vào sổ cấp GCN CTs 190024 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2019, đăng ký chính lý biến động ngày 17/12/2019 đứng tên ông M, bà M và Trái phiếu số CTG2030T2/02 ngày 24/9/2020. Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định tài sản gắn liền trên đất là 01 căn nhà 04 tầng+ tum thang và có che tôn phần sân thượng để tạo sân phơi, có kết cấu móng, trụ, dầm, sàn, mái bê tông cốt thép, tường xây, nền gạch hoa, phần sân thượng có lợp tôn, diện tích xây dựng tầng 1 (trệt) 185, 79m², tổng diện tích sử dụng 761,66m² có tứ cận: Phía Bắc giáp đường kiệt 01 Đỗ Quang, phía Tây giáp nhà 01 Đỗ Quang, phía Đông giáp nhà 01/6 Đỗ Quang, phía Nam giáp nhà dân. HĐXX xét thấy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1401365112/ 2020/HĐBĐ/NHCT480 – Do Quang ký ngày 24/02/2020 tại Phòng công chứng số 2 Tp Đà Nẵng phù hợp với sự thỏa thuận các bên, đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng ngày 25/02/2020 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1401365112/2021/HĐBĐ-SĐBS01/NHCT480 – Do Quang ký ngày 28/04/2021 tại Phòng công chứng số 2 Tp Đà Nẵng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định; các bên đã có thỏa thuận về các tài sản gắn liền trên đất cũng thuộc tài sản thế chấp. Do đó, tài sản bảo đảm của khoản nợ vay đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên trong trường hợp ông Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc Anh, cháu Võ Đình Nam P không thanh toán được nợ thì toàn bộ tài sản thế chấp cần phải xử lý theo điều 299 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản cầm cố là Trái phiếu số CTG2030T2/02 ngày 24/9/2020 do Ngân hàng C phát hành nên HĐXX không đề cập đến.

[6] Đối với bị đơn ông Trần Quốc Anh, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị Thanh T, chị Võ Thị V, chị Lê Thị Cẩm D, chị Đỗ Thị Thủy H, chị Trần Thị Thùy T, chị Bùi Thị Hồng N, chị Nguyễn Thị Thanh M, chị Lê Thị Thu H, anh Phan Thành T, anh Mai Phan D T, anh Nguyễn Công T, chị Đỗ Thanh T, chị Hồ Diễm H, anh Thái Hoàng Văn H, anh Nguyễn Hà H, anh Bùi Hoàng Nhật N, chị Văn Thị Mỹ L, anh Nguyễn Văn D, anh Mai Đình T, anh Phạm Huỳnh T, anh Lê Tấn L, anh Võ Jony D, anh Vũ Đức T, anh Trần Nhật H, anh Nguyễn Hà D, chị Huỳnh Thanh T1, chị Huỳnh Thanh T2, chị Huỳnh Thị Hồng N, chị Đỗ Bình Phương U, chị Nguyễn Thị Như Q, chị Lê Thị H, chị Dương Thị Thu D, chị Nguyễn Thị Quỳnh T, chị Lê Phước Huyền L, anh Dương Văn Q, chị Tô Thị Huyền L, chị Nguyễn Phan Anh T, chị Huỳnh Thị Thanh N, chị Nguyễn Kim C, chị Nguyễn Thị Phúc T, chị Phạm Thị Diệu L, chị Nguyễn Thị Thu N, anh Lê Văn Trung N, chị Trần Thúy H, chị Nguyễn Thị Chiêu T, chị Lê Thị Quỳnh T, anh Nguyễn Viết Thành V, anh Võ Xuân T, anh Dương Chí V, anh Nguyễn Xuân N, chị Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng không chấp hành nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không chấp hành các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[7] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A và cháu Võ Đình Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng C tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 4.000.000đ (Đã nộp và chi xong).

[9] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 299, 463, 466, 615 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại" của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đối với Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A và cháu Võ Đình Nam P.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A và cháu Võ Đình Nam P phải trả cho Ngân hàng C số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2023 là: 10.155.467.411 đồng (*Mười tỷ một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn bốn trăm mười một đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 8.783.050.000 đồng (*bằng chữ: Tám tỷ bảy trăm tám mươi ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*); Nợ lãi quá hạn là: 1.352.966.918 đồng (*bằng chữ: Một tỷ ba trăm năm mươi hai triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm mười tám đồng*). Nợ lãi chậm trả lãi là: 19.450.493 đồng (*bằng chữ: Mười chín triệu bốn trăm năm mươi ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng*).

Kể từ ngày 29/9/2023 ông Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A và cháu Võ Đình Nam P phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Trong trường hợp ông M, bà T, ông N, ông A, cháu P không thanh toán số nợ trên hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 523; tờ bản đồ số 10; địa chỉ tổ 34, P. Vĩnh Trung,

Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng đã được cấp Giấy chứng nhận số CR 894412, vào sổ cấp GCN CTs 190024 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2019, đăng ký chỉnh lý biến động ngày 17/12/2019 đứng tên ông Võ Đình M, bà Nguyễn Thị Như M có tứ cận: Phía Bắc giáp đường kiệt 01 Đỗ Quang, phía Tây giáp nhà 01 Đỗ Quang, phía Đông giáp nhà 01/6 Đỗ Quang, phía Nam giáp nhà dân theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự 2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng C phải trả lại cho ông Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A và cháu Võ Đình Nam P Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR 894412, vào sổ cấp GCN CTs 190024 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2019, đăng ký chỉnh lý biến động ngày 17/12/2019 đứng tên ông Võ Đình M, bà Nguyễn Thị Như M và Trái phiếu số CTG2030T2/02 ngày 24/9/2020 do Ngân hàng C phát hành khi ông M, bà T, ông N, ông A, cháu P thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

2. Án phí DSST: 118.155.467đ (*Một trăm mười tám triệu một trăm năm mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*) ông Võ Đình M, ông Nguyễn Hữu N, bà Lê Thị Ánh T, ông Trần Quốc A và cháu Võ Đình Nam P phải chịu.

Hoàn trả Ngân hàng C số tiền 58.523.907đ (*Năm mươi tám triệu năm trăm hai mươi ba ngàn chín trăm lẻ bảy đồng*) theo biên lai thu số 0007115 ngày 08/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng y*) Ngân hàng C tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28/9/2023. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thị Mỹ Dung